

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+CLO+BK20	7:25	2+13+1	0+0+0		2+14+1	0+0+0	
2		TD1+TD3+SAVR	7:25	12+7+0	0+0+0		12+0+8	0+0+0	
3		CTK3+P11+TTC2	9:25	14+7+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
4		P10+PPD+RP3	9:25	2+4+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8 - CLO - BK20	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3026	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HỒ CHÈ LINH	P8	85	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	88	1	5			57	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN PHUC TAI	P8	91	1	10			59	NAM TIEN	Vietnamese
4	DUONG NGOC THUONG	P8	89-90	2	17			60	NAM TIEN	Vietnamese
5	LA HAU	P8	86-87	2	14			62	NAM TIEN	Vietnamese
6	LE PHI HAU	P8	83-84	2	16			61	NAM TIEN	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUNG	CLO	47	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	51	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MINH TŨ	CLO	43	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ NGỌC LUẬN	CLO	42	1	2			83	KHOAN	Vietnamese
11	CHU ĐỨC AI	CLO	48	1	2			78	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VAN BÓN	CLO	41	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TAM	CLO	52	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN HIẾU	CLO	46	1	10	1	20	69	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN THÈ DŨNG	CLO	44	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ĐĂNG KHOA	CLO	49	1	6			70	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN HÙNG	CLO	50	1	5			60	PSV	Vietnamese
18	HỒ MINH PHÚC	CLO	45	1	5			77	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN NAM	BK20	29	1	12	3	55	82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	6	370	9	67	0	0	3		
2	CLO	12	837	12	65	1	20	14		
3	BK20	1	82	1	12	3	55	1		
TOTAL		19	1.289	22	144	4	75	18		
WEIGHT KG			1.289		144		75			

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:CTK3 - P11 - TTC2	CREW: VTHẮNG - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3027	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN THANH LÂM	CTK3	43	1	13	1	3	57	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	LÊ XUÂN LỘC	CTK3	47-48	2	16			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	LÊ CANH LÂM	CTK3	44	1	7			55	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	LÊ VĂN KHÁNH	CTK3	42	1	8			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠNH	CTK3	45-46	2	10			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	CTK3	52	1	9			78	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG BÁC THAI	CTK3	54-55	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN THỤ	CTK3	58	1	13			75	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN THANH	CTK3	53	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI ĐÌNH THỌ	CTK3	61-62	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC QUANG	CTK3	50-51	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUÂN	CTK3	56-57	2	22			59	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	CTK3	59-60	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VĂN DỪA	P11	91-93	3	16			76	NAM TIỀN	Vietnamese
15	HA HUYNH XUÂN DIỆP	P11	63	1	11	1	19	73	NAM TIỀN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NHÂN	P11	94-95	2	18			63	NAM TIỀN	Vietnamese
17	PHẠM HOANG PHONG	P11	89	1	10			65	NAM TIỀN	Vietnamese
18	VÕ THANH CHUNG	P11	96	1	9			66	NAM TIỀN	Vietnamese
19	NGUYỄN VINH QUANG	P11	90	1	15			70	NAM TIỀN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	13	880	20	186	1	3	0		
2	P11	6	413	9	79	1	19	14		
3	TTC2	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		19	1.293	29	265	2	22	22		
WEIGHT KG			1.293		265		22			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: P10 - PPD - RP3	CREW: HUNG - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3030	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN TUYEN	P10	38-39	2	15			58	XAYLAP	Vietnamese
2	LE XUAN VU	P10	40	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN NINH	PPD	61	1	13	1	31	71	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY BAI	PPD	62	1	9			80	CODIEN	Vietnamese
5	LE HOANG VU	PPD	59	1	10			68	CODIEN	Vietnamese
6	PHAM VAN DINH	PPD	60	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN QUYEN	RP3	97	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG THOA	RP3	84	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG DUONG	RP3	96	1	15			88	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	92-93	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM QUOC CUONG	RP3	91	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
12	HO SY TRUNG	RP3	99	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUU THIEN	RP3	87-88	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN CONG DOAN	RP3	82-83	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TRAN	RP3	80-81	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	RP3	78-79	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VAN DEC	RP3	85-86	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN QUANG VIET	RP3	94-95	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ TẢ HOAN	RP3	89-90	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
20	HUYNH DUC VU	RP3	98	1	8			74	DUYLINH	Vietnamese
21	PHAM CONG HAU	RP3	600	1	8			64	DUYLINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	2	130	3	28	0	0	0		
2	PPD	4	293	4	41	1	31	0		
3	RP3	15	1.061	23	224	0	0	22		
TOTAL		21	1.484	30	293	1	31	22		
WEIGHT KG			1.484		293		31			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
PHAN NHƯ CƯƠNG

